

Về ba mục tiêu: An ninh, phát triển và ảnh hưởng trong chính sách đối ngoại của Việt Nam thời kỳ Đổi mới (1986-2005)

BÙI VĂN HÙNG*

Chính sách đối ngoại của Việt Nam trong thời kỳ đổi mới (1986-2005) hướng tới ba mục tiêu là an ninh, phát triển và ảnh hưởng. Ba mục tiêu này xét về cả lý luận lẫn thực tiễn đều là sự thể hiện thành công hay hạn chế của chính sách đối ngoại của Việt Nam trong thời kỳ đổi mới (1986-2005). Hay nói cách khác, muốn đánh giá những thành tựu và hạn chế của việc triển khai chính sách đối ngoại đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ quốc tế của Việt Nam thời kỳ đổi mới phải xuất phát từ mức độ đạt được trên cả ba mục tiêu ấy. Bài viết này phân tích một vài nét chính về chính sách đối ngoại của Việt Nam trong thời kỳ đổi mới qua nội dung của ba mục tiêu này.

1. Mục tiêu an ninh: Bảo đảm chủ quyền và an ninh quốc gia cũng như toàn vẹn lãnh thổ là mục tiêu bất biến của Việt Nam trong mọi thời kỳ lịch sử, và nhất là trong thời kỳ đổi mới (1986-2005).

Thời kỳ 1986-2005, Việt Nam đã chủ động, linh hoạt hoá giải các nguy cơ, thách thức chủ yếu sau đây đe dọa độc lập, chủ quyền, an ninh, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của mình:

1. Vấn đề Campuchia và nguy cơ chiến tranh xâm lược trực tiếp từ Trung Quốc. Nhận thức rõ về nguy cơ này, Đảng và Nhà nước ta đã chủ động và linh hoạt, quyết tâm tìm kiếm giải pháp chính trị, tăng cường đối thoại với các bên hữu quan như các nước lớn, các nước ASEAN, Liên hợp quốc, và quan trọng nhất là rút quân khỏi Campuchia trước thời hạn vào năm 1989. Đồng thời với việc tích cực giải quyết vấn đề Campuchia, Việt Nam đã bình thường hoá quan hệ với Trung Quốc theo một lộ trình hợp lý từ năm 1989 đến năm 1991.

2. Vấn đề Campuchia và nguy cơ xung đột với ASEAN, trước hết là Thái Lan. Để hoá giải nguy cơ này, Việt Nam vừa cùng với Lào và Campuchia phối hợp đối

* Bùi Văn Hùng, Đại học Đà Lạt.

thoại hợp tác với các nước ASEAN giải quyết vấn đề Campuchia, đồng thời thực hiện việc rút quân từng đợt và rút hết vào năm 1989. Với việc giải quyết dứt điểm vấn đề Campuchia, Việt Nam từng bước cải thiện quan hệ với các nước ASEAN, tham gia Hiệp ước Bali và trở thành quan sát viên của ASEAN (1992), chính thức gia nhập ASEAN (1995) và hợp tác trong Diễn đàn an ninh khu vực ARF.

3. Nguy cơ từ phía Mỹ và "diễn biến hoà bình". Mỹ thực hiện chính sách bao vây, cấm vận đối với Việt Nam gần 20 năm từ năm 1975 đến tháng 2 năm 1994. Tuy từng bước nới lỏng, tiến tới tuyên bố bãi bỏ lệnh cấm vận đối với Việt Nam và thiết lập quan hệ ngoại giao cấp cao nhất (cấp đại sứ) giữa hai nước, nhưng phía Mỹ vẫn tiến hành âm mưu "diễn biến hoà bình" để lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, đặc biệt khi Liên Xô và chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu sụp đổ. Các thế lực thù địch dựng lên và nuôi dưỡng nhiều tổ chức phản động trong cộng đồng người Việt Nam ở Mỹ và các nước khác để những tổ chức này tiến hành chống phá cách mạng Việt Nam, thậm chí kích động gây bạo loạn chính trị phản cách mạng ở Tây Nguyên. Lợi dụng một số diễn đàn quốc tế và khu vực, các thế lực phản động vu cáo Việt Nam vi phạm "nhân quyền", không tôn trọng tự do tín ngưỡng, tôn giáo, quyền tự quyết dân tộc... Đảng và Nhà nước ta nhận định nguy cơ "diễn biến hoà bình" vẫn tiếp tục tồn tại và diễn biến ngày một phức tạp, trở thành thách thức lớn đối với Việt Nam trong tiến trình đổi mới, mở cửa và hội nhập quốc tế. Trên cơ sở đó, Đảng ta xác định vừa hợp tác, vừa đấu

tranh với Mỹ để làm thất bại âm mưu diễn biến hoà bình của Mỹ và các thế lực thù địch trong và ngoài nước.

4. Nguy cơ từ vấn đề Biển Đông, vấn đề Biên giới trên biển và trên đất liền. Vấn đề quần đảo Hoàng Sa và phân định Biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc tồn tại từ năm 1974 đến năm 2005 luôn đe dọa trực tiếp đến an ninh và toàn vẹn lãnh thổ của nước ta. Việt Nam chủ động hợp tác với Trung Quốc giải quyết các vấn đề trên theo nguyên tắc: "láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai", tạm gác lại vấn đề Hoàng Sa để ký Hiệp ước về Biên giới trên đất liền ngày 25-12-2000, ký Hiệp định về phân định Vịnh Bắc Bộ, Hiệp định giải quyết vấn đề lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa giữa hai nước trong Vịnh Bắc Bộ.

Việt Nam cùng với các nước ASEAN và Trung Quốc đạt được những thỏa thuận quan trọng tiến tới giải quyết vấn đề tranh chấp ở Biển Đông: ngày 9-8-1997, Việt Nam và Thái Lan ký Hiệp định phân định vùng chồng lấn giữa hai nước trong Vịnh Thái Lan (khoảng 6.500km²); Việt Nam và Philippin cùng soạn thảo Bộ Quy tắc ứng xử ở Biển Đông tháng 7-1999, được các nước hữu quan nhất trí thông qua tại Hội nghị Cấp cao lần thứ VIII (Phnômpenh, tháng 11-2002) nhằm tiến tới hoàn thiện Bộ quy tắc ứng xử ở Biển Đông là cơ sở để xây dựng lòng tin và duy trì hoà bình, an ninh, ổn định ở Đông Nam Á; Việt Nam cũng tiếp tục đàm phán về thềm lục địa với Indônêxia.

Trong quan hệ với Campuchia, những vấn đề lịch sử giữa hai nước về biên giới lãnh thổ bị các thế lực thù địch lợi dụng

tác động vào nội bộ Campuchia theo hướng chia rẽ hai nước. Để giải quyết vấn đề này, Việt Nam kiên trì chính sách không can thiệp vào công việc nội bộ Campuchia, hai bên đã khôi phục hoạt động của Ủy ban liên hợp về biên giới và thoả thuận được việc Campuchia cam kết công nhận và tôn trọng các Hiệp ước, Hiệp định biên giới đã ký trong những năm 80 của thế kỷ XX. Năm 2005, Việt Nam và Campuchia ký kết Hiệp định bổ sung cho Hiệp định biên giới quốc gia hai nước ký năm 1985, tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho việc xây dựng đường biên giới hữu nghị Việt Nam - Campuchia. Năm 1990, Việt Nam và Lào ký kết Hiệp định về quy chế biên giới, phối hợp chặt chẽ trong việc giữ gìn an ninh biên giới hai nước.

5. Nguy cơ từ các vấn đề về chủ nghĩa khủng bố, xung đột sắc tộc và tôn giáo. Chủ nghĩa khủng bố đe dọa hòa bình, an ninh và ổn định trong khu vực và trên phạm vi toàn thế giới ngày càng rõ rệt. Đặc biệt là sau vụ khủng bố ngày 11-9-2001 ở Mỹ, các vụ đánh bom ở Bali (Indônêxia), chủ nghĩa khủng bố Hồi giáo cực đoan ở Philippin tăng cường hoạt động... Việt Nam cùng các nước ASEAN đã đưa vào chương trình nghị sự của các hội nghị cấp cao ASEAN chương trình chống chủ nghĩa khủng bố bảo vệ hòa bình và an ninh của khu vực, bắt đầu từ Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ VIII đến nay.

Như vậy, trong thời kỳ đổi mới (1986 - 2005), Việt Nam đã đề ra chính sách đối ngoại đúng đắn góp phần hóa giải các nguy cơ đe dọa độc lập, chủ quyền, thống nhất, an ninh và toàn vẹn lãnh thổ, đồng thời tạo ra môi trường hòa bình để tập trung phát triển kinh tế,

hướng tới mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Mục tiêu phát triển: chính sách đối ngoại của Việt Nam từ 1986 đến 2005 đã góp phần quan trọng trong việc "tiếp tục giữ vững môi trường hoà bình và tạo các điều kiện quốc tế thuận lợi để đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm độc lập và chủ quyền quốc gia"⁽¹⁾.

Việt Nam tiến hành sự nghiệp đổi mới toàn diện để phát triển đất nước với nhiều thuận lợi và thách thức cơ bản:

1. Xu thế hòa hoãn quốc tế nhất là sự tan rã của trật tự thế giới hai cực Yalta đã thúc đẩy các cường quốc đối thoại và thỏa hiệp theo hướng vừa hợp tác vừa đấu tranh để kiềm chế lẫn nhau. Tuy nhiên, trật tự thế giới mới đang hình thành cũng đặt ra những thách thức lớn đối với tất cả các nước. Các nước lớn tiến hành điều chỉnh chiến lược hướng vào mục tiêu phát triển kinh tế và gia tăng ảnh hưởng ở các khu vực trên thế giới. Các nước đang phát triển trong đó có Việt Nam rất có khả năng trở thành mục tiêu lôi kéo của từng nước lớn. Với chính sách đối ngoại đúng đắn, Việt Nam từng bước thoát ra khỏi xu thế ràng buộc của các nước lớn, cân bằng được lợi ích quốc gia với lợi ích của các nước lớn, tranh thủ môi trường hòa bình quốc tế để phát triển kinh tế - xã hội. Ngoại giao Việt Nam đã góp phần quan trọng đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng và bước vào thời kỳ phát triển bền vững.

2. Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học - kỹ thuật và xu thế toàn cầu hóa kinh tế làm gia tăng khoảng cách giữa các nước, đồng thời cũng làm tăng khả

năng tương thuộc lẫn nhau về kinh tế cũng như nhiều mặt khác. Nguyên cơ tột hậu về kinh tế đặt các nước đang phát triển những thách thức lớn: "Cơ hội thể hiện khả năng tận dụng những thành tựu của cách mạng khoa học - kỹ thuật và công nghệ, tham gia vào sự phân công lao động quốc tế để rút ngắn thời gian phát triển"⁽²⁾.

Thực hiện chủ trương tăng cường công tác tuyên truyền văn hoá thông tin đối ngoại, ngoại giao Việt Nam đã tạo điều kiện để bạn bè, đối tác quốc tế có được các thông tin cần thiết để hiểu biết về Việt Nam nói chung và môi trường đầu tư, kinh doanh ở Việt Nam nói riêng. Bằng việc mở rộng quan hệ với các nước công nghiệp phát triển, các nước bạn bè truyền thống, các nước láng giềng, các tổ chức quốc tế, ngoại giao góp phần thu hút đầu tư nước ngoài, xúc tiến thương mại, đẩy mạnh xuất nhập khẩu, tăng cường hội nhập khu vực và quốc tế. Trong thời kỳ từ 1995 - 2005, tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam luôn đứng vào hàng các nước cao nhất thế giới (trên dưới 7%/năm). Việt Nam trở thành đối tác tin cậy của các nước, các tập đoàn kinh tế, các tổ chức quốc tế và ngày càng khẳng định vai trò, vị trí của mình trong khu vực và trên thế giới. Đó chính là khả năng thích nghi với xu thế quốc tế và tận dụng lợi thế so sánh để phát triển thế và lực của quốc gia trong quá trình cạnh tranh về đối tác và thị trường trên thế giới.

3. Mục tiêu ảnh hưởng:

Như chúng ta đã biết, với thắng lợi to lớn trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, uy tín của Việt Nam lên rất cao, có tác dụng to lớn cho Việt

Nam xây dựng chủ nghĩa xã hội. Uy tín mà Việt Nam tạo được bằng chính đường lối độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội không tiếp tục được phát huy mà trái lại bị suy giảm nghiêm trọng nhất là thời kỳ 1979 - 1985. Rõ ràng là: "vị trí quốc tế của một nước, dù là to lớn đến mấy đi nữa, không phải là một cái gì bất biến"⁽³⁾. Và thực tế, muốn phát huy ảnh hưởng quốc tế phải tùy thuộc vào "sức mạnh mọi mặt của mỗi quốc gia, cả sức mạnh kinh tế lẫn quân sự, đồng thời tùy thuộc vào "sức nặng" chính trị, thậm chí cả ảnh hưởng văn hóa... trong hoàn cảnh hiện nay sức mạnh kinh tế có ý nghĩa nổi trội đối với yêu cầu phát huy vai trò quốc tế"⁽⁴⁾.

Trong quá trình đổi mới, Việt Nam đã đề ra chính sách đối ngoại trên cơ sở nguyên tắc bất biến là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, khôn khéo, mềm dẻo về sách lược, từng bước đưa ảnh hưởng của Việt Nam phát triển và mở rộng ra phạm vi toàn thế giới. Đường lối và chính sách đối ngoại phục vụ mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội (nghĩa vụ dân tộc và nghĩa vụ quốc tế) là bất biến như trong thời kỳ trước (1975-1985), Đảng và Nhà nước ta kết hợp hai nhiệm vụ này trong việc giải quyết vấn đề Campuchia. Nhưng trong tình hình mới, vấn đề Campuchia lại là trở ngại lớn nhất trên con đường phát huy vị thế quốc tế của Việt Nam. Nhận thức rõ về khó khăn này, Đảng và Nhà nước ta đã tích cực, chủ động tìm kiếm giải pháp chính trị và toàn bộ cho vấn đề Campuchia, khôi phục ảnh hưởng và uy tín của nước ta trên trường quốc tế.

Với việc tích cực chủ động tham gia giải quyết vấn đề Campuchia, Việt Nam đã bình thường hóa và phát triển quan

hệ với Trung Quốc, bình thường hóa và phát triển quan hệ với Mỹ, gia nhập ASEAN, củng cố và phát triển quan hệ với tất cả các nước, các tổ chức quốc tế, xóa được thế bị bao vây cấm vận và phủ sóng ngoại giao toàn thế giới. Từ năm 1995, Việt Nam đã phát huy ảnh hưởng của mình đối với khu vực Đông Nam Á và thế giới. Với tư cách là thành viên chính thức của các tổ chức quốc tế ASEAN, APEC, ASEM..., Việt Nam đã tích cực tham gia giải quyết các vấn đề quốc tế và khu vực. Uy tín quốc tế của Việt Nam dần dần được khôi phục và phát triển, Việt Nam là thành viên ban chấp hành nhiều tổ chức quốc tế, tổ chức thành công nhiều hội nghị quốc tế lớn như: Hội nghị cấp cao Pháp ngữ lần thứ bảy, Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ VI, Hội nghị cấp cao ASEM lần thứ V, đang chuẩn bị tổ chức Hội nghị cấp cao APEC lần thứ XIV và chuẩn bị gia nhập WTO.

Thành công trong sự nghiệp đổi mới: đưa đất nước ra khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội và tiến vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa từ năm 1995, Đảng và Nhà nước ta đã tạo ra niềm tin vững chắc trong nhân dân cả nước phấn đấu cho mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Với chính sách đối ngoại

đúng đắn, Việt Nam đã tranh thủ mọi điều kiện vốn có trong nước, nâng cao sức mạnh kinh tế, an ninh quốc phòng và ổn định đời sống của nhân dân. Nhờ đó, uy tín và ảnh hưởng quốc tế của Việt Nam không ngừng tăng lên trong sự nghiệp đấu tranh vì nền hòa bình, ổn định và phát triển ở khu vực và trên thế giới.

CHÚ THÍCH

- (1) Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001. tr. 119.
- (2) Vũ Khoan, "An ninh, phát triển và ảnh hưởng trong hoạt động đối ngoại", Hội nhập quốc tế và giữ vững bản sắc, NXB Chính trị quốc gia Hà Nội, 1995, tr. 210.
- (3) Nguyễn Mạnh Cẩm, "Trên đường triển khai chính sách đối ngoại theo định hướng mới", Hội nhập quốc tế và giữ vững bản sắc, NXB Chính trị quốc gia Hà Nội, 1995, tr. 169.
- (4) Vũ Khoan, "An ninh, phát triển và ảnh hưởng trong hoạt động đối ngoại", Hội nhập quốc tế và giữ vững bản sắc, NXB Chính trị quốc gia Hà Nội, 1995, tr. 211.